TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Văn Khắc

Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lê Văn Thịnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn S - sinh năm: 1988.

HKTT: Thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị Th - sinh năm: 1990

HKTT: Thôn Thạch Môn, xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018, bản tự khai ngày 15/3/2018 và tại phiên tòa anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị Bùi Thị Th kết hôn tự nguyện,

đăng ký ngày 27/4/2012 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được 04 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, chị Th có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã tha thứ nhưng chị Th vẫn không thay đổi tính nết. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 07/9/2012. Hiện nay cháu đang ở với anh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vinh, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Bùi Thị Th để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của anh S, nhưng chị Th không có mặt nên không có lời khai của chị Th. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng chị Th không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị Th. Chị Th đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng chị Th đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ chị Th lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng chị Th vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị Th.

Chị Th không có bản tự khai, cũng như văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của anh S nên các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 27/4/2012 tại UBND xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm, ngoài ra vợ chồng có sự ghen tuông nghi ngờ tình cảm, thiếu tin tưởng nhau nên thường hay sảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng không thể khắc phục hàn gắn tình cảm được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Việc này đã được UBND xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập chị Th lên làm việc để chị Th được bày tỏ quan điểm, ý kiến và nguyện vọng của mình nhưng chị Th đều không có mặt. Điều đó chứng tỏ chị Th không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh S được ly hôn chị Th để giải phóng cho nhau là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con cái: Anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 07/9/2012. Hiện nay cháu đang ở với anh S. Anh S hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu Vinh đang ở với anh S. Để không bị xáo trộn và đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường mọi mặt cho con trẻ. Nghĩ cần giao cháu Vinh cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên là phù hợp với hoàn cảnh thực tế, giới tính và các quy định của pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, anh S không yêu cầu nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 207, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 và khoản 4 điều 147 BLTTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Bùi Thị Th.

Về con cái: Giao cháu Nguyễn Thành Vinh, sinh ngày 07/9/2012 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2015/0002223 ngày 05/3/2018. Anh S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh S, vắng mặt chị Th. Anh S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Trương Văn Khắc	**Quách Thị Tình**	**Phạm Văn Hùng**